

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-PT
Ngày 20-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ

Bà Dương Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Huy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Ngọc Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo Triệu Văn Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Triệu Văn Q; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1979, tại: Võ Nhai - Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký tạm trú: thôn 1, xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quý M, sinh năm 1955 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1957, đều là lao động tự do và sống tại: Thôn 1, xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum; có vợ là Triệu Thị T, sinh năm 1979, trú tại: Thôn 1, xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum; có 03 (Ba) con tên: Triệu Hữu T, sinh năm 1996; Triệu Hữu T, sinh năm 1999 và Triệu Hữu V, sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo là con út trong gia đình có hai người con. Hiện đang bị áp dụng

biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Ngọc Q-Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum. Đại diện theo pháp luật: ông Chế Hồng Q, chức vụ: Chủ tịch. Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung D, chức vụ: Phó Chủ tịch. (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017 Triệu Văn Q, sinh năm: 1979; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên cùng vợ Triệu Thị T và hai con từ Phú Yên lên sinh sống tại thôn 1, xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum. Do điều kiện gia đình khó khăn nên Q nảy sinh ý định chặt phá rừng để lấy đất trồng lúa nhằm cải thiện cuộc sống. Khoảng cuối năm âm lịch 2017 Triệu Văn Q đã dùng 01 dao rựa và mượn 01 cửa xăng của chị Triệu Thị S, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn 7, xã I, huyện H để cắt, chặt hạ một số cây rừng tại lô 4, khoảnh 9, tiểu khu 755 lâm phần Ủy ban nhân dân xã I quản lý (*đối với cây gỗ có đường kính từ 20cm trở lên Q dùng cửa xăng để cắt hạ, đối với những cây có đường kính dưới 20cm Q dùng dao rựa để chặt hạ*). Đến đầu năm 2018, Q đã cắt, chặt hạ toàn bộ cây rừng tại Khoảnh 9, Tiểu khu 755 với diện tích là 9.840,82 m² sau đó chờ cây khô để đốt làm nương rẫy. Tuy nhiên, Q chưa kịp đốt thì có đám cháy ở mảnh rẫy bên cạnh lan qua làm cháy các cây rừng trên phần diện tích mà Q đã chặt phá. Đến ngày 28/5/2018, khi Triệu Văn Q đang dùng dao rựa để phát dọn các cây rừng còn chưa cháy hết tại lô 4, khoảnh 9, Tiểu khu 755 mà Q đã chặt phá trước đó thì bị lực lượng liên ngành của Ủy ban nhân dân xã I phát hiện và lập biên bản.

Ngày 13/8/2018 Hạt kiểm lâm huyện Ia H'Drai đã ra Quyết định khởi tố vụ án số 04/QĐ-HKL về tội "Hủy hoại rừng" và chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ia H'Drai để giải quyết theo quy định. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ia H'Drai, Triệu Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện khu vực rừng bị chặt phá có tứ cận: Phía Đông giáp đất trống; phía Nam giáp cao su của công ty Cao su M; phía Tây giáp cao su của công ty Cao su M; phía Bắc giáp rừng rự nhiên, tứ cận như trên là phần tiếp giáp bên trong của khoảnh rừng bị hủy hoại, còn theo bản đồ đo vẽ

có tứ cận là có 3 mặt giáp rừng tự nhiên, 01 mặt giáp Công ty Cao su Đ là phần tiếp giáp ngoài cùng của khoảnh rừng bị hủy hoại. Vị trí rừng bị chặt phá tại các tọa độ: Tọa độ 1: X:496321, Y:1552783; Tọa độ 2: X:496418,Y:1552768; Tọa độ 3: X:496362, Y: 1552664, theo sơ đồ khám nghiệm hiện trường (BL 27) thì vị trí rừng bị chặt phá thuộc lô 4 khoảnh 9, tiểu khu 755 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã I quản lý (chưa xâm phạm đến ranh giới lâm phần của Công ty Cao su Đắk Lắk thuê). Tại mục 4.1 phần 4 Quyết định 1037/UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả kiểm kê rừng tỉnh Kon Tum năm 2014 (BL 55a) thể hiện: Chủ quản lý nhóm 01 gồm Ủy ban nhân dân xã, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, dẫn chiếu đến Phụ lục 1c (BL 551) danh sách chủ rừng nhóm 1 thể hiện: lô 4 khoảnh 9 tiểu khu 755 là do Ủy ban nhân dân xã I quản lý, diện tích 88,52 ha, vì vậy việc xác định chủ thể quản lý rừng là Ủy ban nhân dân xã I.

Diện tích khu vực rừng bị chặt phá là 9.840,82 m² (*chín ngàn tám trăm bốn mươi phẩy tám hai mét vuông*); loại rừng: Rừng tự nhiên, chức năng sản xuất; hiện trạng rừng bị chặt phá: Rừng lá rộng, thường xanh nghèo. Tại hiện trường toàn bộ số cây rừng bị chặt hạ bằng dao (rựa) và cưa xăng, bị đốt cháy chỉ còn lại gốc và một số thân cây bị cháy nham nhỡ không còn sử dụng được với tổng thiệt hại là 3,985 m³ (*bằng 5,693 ster củi*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/2019/KL-HĐĐG ngày 27/02/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Ia H'Drai kết luận: Tổng giá trị thiệt hại các loại tài sản trưng cầu Hội đồng định giá là 11.158.280 đồng (Mười một triệu một trăm năm tám ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn Q phạm tội “Hủy hoại rừng”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 243; điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Văn Q phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum số tiền 11.158.280 (Mười một triệu một trăm năm mươi tám ngàn hai trăm tám mươi đồng), được khấu trừ số tiền 500.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0004302 ngày 06/3/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai để nộp vào ngân sách nhà nước; (Tiếp tục tạm giữ số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã nộp để đảm bảo việc thi hành án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng.

Ngày 17/4/2019 Bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm mức bồi thường thiệt hại để có điều kiện hòa nhập cộng đồng, làm ăn lương thiện với lý do: Phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, việc phát rừng làm rẫy là do mưu sinh của cả gia đình, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra với số tiền 500 nghìn đồng.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo nộp thêm 02 biên lai nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai với số tiền tổng cộng là 7.000.000 đồng và thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt thay cho nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt thay bằng nội dung xin được hưởng án treo. Đại diện Viện kiểm sát xét thấy kháng cáo của bị cáo đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 231, 232, 233 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét nội dung kháng cáo, về phần hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án 18 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ngoài số tiền 500 nghìn đồng bị cáo đã bồi thường ở cấp sơ thẩm, bị cáo xuất trình thêm 02 biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền là 7.000.000 triệu đồng, như vậy bị cáo đã bồi thường tổng cộng số tiền 7.500.000 triệu đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về mức bồi thường thiệt hại, theo quy định tại các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự, Điều 48 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức bồi thường thiệt hại theo bản án sơ thẩm, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền 11.158.280 đồng cho Ủy ban nhân dân xã I để nộp ngân sách nhà nước. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tuyên phạt bị cáo mức án tù 12 đến 15 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Nhất trí với ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, tuy nhiên, ngoài những tình tiết giảm nhẹ Đại diện Viện kiểm sát đã áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Dao), không biết chữ, phạm tội do nhận thức hạn chế, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn và một phần do lạc hậu; đại diện Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc trường hợp được miễn các khoản án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn dân sự phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức bồi thường thiệt hại, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói lời sau cùng bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận, vào khoảng cuối tháng 12 âm lịch năm 2017 (tính theo dương lịch là cuối tháng 01 đầu tháng 02 năm 2018) bị cáo Triệu Văn Q đã có hành vi dùng dao (rựa) và 01 cưa xăng cắt, chặt phá cây rừng trái phép để làm nương rẫy tại lô 4, khoảnh 9, tiểu khu 755 thuộc Lâm phần do Ủy ban nhân dân xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum quản lý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*”, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo hội đồng xét xử thấy:

- Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhân thân của bị

cáo cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa bàn huyện H nói riêng để quyết định hình phạt là 18 tháng tù nhưng không cho hưởng án treo là phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, mặc dù bị cáo là gia đình dân tộc thiểu số, mới chuyển từ vùng khác đến sinh sống, không được học hành (trình độ học vấn 0/12), nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, việc phát rừng làm nương rẫy là vì mưu sinh, muốn cải thiện cuộc sống chứ không có mục đích mua bán cây rừng, cuộc sống gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã tiếp tục tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền là 7.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã I số tiền 7.500.000 nghìn đồng trên số tiền 11.158.280 triệu đồng, điều đó cho thấy sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Mặt khác, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự đã xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

- Về mức bồi thường thiệt hại:

Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.158.280 triệu đồng, bị cáo đã bồi thường được 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn dân sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị cáo không đưa ra được cơ sở nào để Hội đồng xét xử xem xét nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu giảm mức bồi thường của bị cáo.

[4] Về việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã nhận định, tuy nhiên phần quyết định chỉ áp dụng khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là thiếu sót.

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện H số tiền 11.158.280 đồng, giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường 500 nghìn đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 10.658.280 đồng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điều 357 Bộ luật hình sự để tuyên nghĩa vụ chậm trả đối với bị cáo là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ

thẩm 01/2019/HS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Q phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Văn Q phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum số tiền 11.158.280 đồng để nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền 500.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0004302 ngày 06/3/2019, số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/0004304 ngày 29/5/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2010/0004308 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.658.280 đồng cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận

của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn án phí cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh KonTum;
- TAND huyện Ia H'Drai;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- CQCSĐT Công an huyện Ia H'Drai;
- VKSND huyện Ia H'Drai;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Tăng